Thành viên

1. Nguyễn Nam Anh
2. Lê Tuấn Anh
3. Nguyễn Đức Huy

**Cuộc thi tìm hiểu pháp luật trong Thanh niên Quân đội năm 2018**

Câu 1:

**- Mục đích, ý nghĩa của ngày Pháp luật**, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, Ngày Pháp luật được tổ chức hằng năm nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, đề cao giá trị của Hiến pháp, pháp luật trong nhà nước pháp quyền, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho mọi người trong xã hội. Với ý nghĩa đó, trong ngày này mọi tổ chức, cá nhân tập trung nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật, góp phần đưa các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, từ đó lan tỏa sâu rộng để tất cả các ngày trong năm đều là Ngày Pháp luật.

Xây dựng niềm tin, tình cảm, thái độ ứng xử phù hợp với quy định của Hiến pháp, pháp luật: Pháp luật của nước ta đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch, ghi nhận, bảo vệ, bảo đảm quyền, lợi ích cho mỗi cá nhân và sự hài hòa các loại lợi ích trong xã hội. Ngày Pháp luật được tổ chức nhằm tôn vinh hiến pháp, pháp luật; xây dựng niềm tin, tình cảm, thái độ, hành vi ứng xử phù hợp với quy định của hệ thống pháp luật, ý thức bảo vệ pháp luật của toàn dân.

Đề cao giá trị con người, xây dựng nhân cách tạo nên sự bền vững của ý thức pháp luật, của kỷ cương, phép nước: Ngày Pháp luật được tổ chức nhằm đề cao giá trị con người, xây dựng nhân cách; đề cao ý thức làm chủ, tôn trọng kỷ luật, tự do trong khuôn khổ pháp luật; coi trọng các giá trị đạo đức tốt đẹp; ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, lòng yêu nước, xây dựng lối sống, nếp sống văn hoá; bồi dưỡng ý thức và năng lực phát huy giá trị văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại là những điều kiện quan trọng góp phần hình thành con người về mặt tâm hồn, nhân cách, để mỗi con người tự ý thức về mình, về cộng đồng, về dân tộc, về đất nước. Đây chính là yếu tố tạo nên sự bền vững của ý thức pháp luật, của kỷ cương, phép nước, cùng tích cực hành động vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

Nâng cao hiệu quả xây dựng, phổ biến, giáo dục pháp luật và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân: Bản chất của nhà nước pháp quyền chính là tính thượng tôn của pháp luật trong tổ chức đời sống kinh tế, xã hội của một quốc gia. Nhà nước pháp quyền đòi hỏi một hệ thống pháp luật hoàn thiện, bao gồm tính thống nhất, ổn định, minh bạch, công bằng và dân chủ. Tổ chức Ngày Pháp luật góp phần đáp ứng các yêu cầu trên và trở thành một trong những điều kiện quan trọng thúc đẩy tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền đòi hỏi việc nâng cao mạnh mẽ nhận thức pháp luật của cán bộ, nhân dân, thể hiện thái độ của các thành viên trong xã hội đối với kỷ cương, pháp luật; là sự đánh giá và ghi nhận tính công bằng của pháp luật. Pháp luật chỉ có thể trở thành công cụ điều chỉnh tốt nhất hành vi khi được chấp nhận, chấp hành một cách tự nguyện, thực sự trở thành nhu cầu tự thân, có ý thức của mỗi ngư¬ời. Bởi thế, phổ biến, giáo dục pháp luật được coi là khâu đầu tiên của việc thi hành pháp luật, là cầu nối để đưa pháp luật đi vào cuộc sống. Ngày Pháp luật được tổ chức nhằm động viên toàn dân đoàn kết, nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật, tự giác chấp hành Hiến pháp, pháp luật, tích cực tham gia bảo vệ pháp luật.

Đối với việc thi hành pháp luật, tổ chức Ngày Pháp luật nhằm động viên toàn xã hội thi hành pháp luật nghiêm minh, công bằng, thống nhất; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm, tham nhũng; quan tâm giải quyết khiếu nại, tố cáo; xây dựng nền hành chính trong sạch, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động hành chính, từ đó nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, khả năng thực thi pháp luật trong mọi hoạt động quản lý Nhà nước, hoạt động kinh tế xã hội và sinh hoạt hàng ngày của nhân dân.

Hướng tới xây dựng nền văn hóa pháp lý: Văn hóa pháp luật rất hiện hữu, được thể hiện hàng ngày ở tất cả các lĩnh vực hoạt động của nhà nước, cá nhân và xã hội, trong nội dung, thực hành, áp dụng Hiến pháp, pháp luật, trong tất cả những vấn đề liên quan đến con người, quyền, tự do, trách nhiệm của con người. Để hình thành nền văn hóa pháp luật, nâng cao trình độ văn hóa cần phải xây dựng lối sống theo pháp luật. Lối sống theo pháp luật thể hiện một trạng thái thường xuyên, thường ngày, được tạo lập từ các thói quen ứng xử theo pháp luật của con người ở mọi nơi, mọi lúc, mọi hoàn cảnh, không đơn thuần chỉ là một hành động nhất thời khi có áp lực từ bên ngoài. Lối sống theo pháp luật đòi hỏi trình độ nhận thức pháp luật, nhận thức về sự cần thiết và giá trị xã hội của pháp luật từ phía các cá nhân; ý thức tự nguyện, từ những lợi ích, từ mức độ hài lòng của dân chúng vào hệ thống pháp luật mà họ được thụ hưởng, từ thái độ, tình cảm của con người đối với pháp luật. Ngày Pháp luật được tổ chức với ý nghĩa đó.

**Quy định pháp lý của Ngày Pháp luật**

Ngày 09/11/1946, bản Hiến pháp đầu tiên của Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được ban hành. Sau Hiến pháp năm 1946, nước ta đã có Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992 nhưng tư tưởng lập hiến, những giá trị dân chủ, quyền con người, quyền công dân, tư tưởng và mô hình tổ chức nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1946 luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tất cả các bản Hiến pháp và toàn bộ hệ thống pháp luật của nước ta. Chính vì vậy, theo đề xuất của Chính phủ, ngày 09/11 – Ngày ban hành Hiến pháp 1946 được xác định là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngày Pháp luật); đã được chính thức luật hóa trong Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012. Điều 8 Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 quy định: “Ngày 9/11 hằng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngày Pháp luật được tổ chức nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho mọi người trong xã hội”. Cụ thể hóa Điều 8, Luật Phổ biến giáo dục pháp luật, ngày 04 tháng 04 năm 2013 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật (Nghị định số 28/2013/NĐ-CP) theo đó, nội dung, hình thức; trách nhiệm hướng dẫn nội dung, hình thức tổ chức Ngày Pháp luật và trách nhiệm tổ chức Ngày Pháp luật được cụ thể hóa tại Chương 2 của Nghị định.

**Nội dung tổ chức Ngày Pháp luật**, theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 28/2013/NĐ-CP: Khẳng định vị trí, vai trò của Hiến pháp, pháp luật trong quản lý nhà nước và đời sống xã hội; Giáo dục cán bộ, công chức, viên chức và người dân ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Hiến pháp, pháp luật thiết thực với đời sống của nhân dân, gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; Vận động nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong xây dựng pháp luật, thực thi pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật; Nội dung khác theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

**Hình thức tổ chức Ngày Pháp luật**, theo quy định tại Khoản 2  Điều 6 Nghị định số 28/2013/NĐ-CP, bao gồm: Mít tinh; hội thảo; tọa đàm; Thi tìm hiểu pháp luật; Tuyên truyền, phổ biến pháp luật lưu động; triển lãm; Các hình thức khác theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Câu 2:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, bằng ý chí và sức mạnh của toàn dân tộc, được sự giúp đỡ của bạn bè trên thế giới, nhân dân ta đã giành chiến thắng vĩ đại trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới được quy định tại Chương IV Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 trên cơ sở sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong Hiến pháp 2013 được thể hiện rõ ở các nội dung cụ thể sau:

Một là, Điều 64 Hiến pháp 2013 khẳng định: “Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân”. Nội dung này của Hiến pháp thể hiện sự vận dụng sáng tạo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta về mối quan hệ giữa Tổ quốc với chế độ xã hội chủ nghĩa và vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, khẳng định quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân, đã được kiểm nghiệm trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc ta và lịch sử đấu tranh của nhân dân lao động, yêu chuộng hòa bình trên thế giới; đồng thời là sức mạnh tổng hợp bao gồm tổng thể các hoạt động đối nội và đối ngoại về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học... của Đảng, Nhà nước và nhân dân để phòng thủ đất nước, giữ vững hòa bình, đẩy lùi, ngăn chặn các hoạt động gây chiến của kẻ thù và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi quy mô, hình thức. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, việc huy động sức mạnh tổng hợp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đất nước cần kết hợp một cách toàn diện tất cả các yếu tố con người, tổ chức, đối nội, đối ngoại, quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, khoa học, kỹ thuật; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế; sức mạnh vật chất với sức mạnh chính trị - tinh thần.

Hai là, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có trách nhiệm chăm lo củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân mà nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân (Điều 64).

Hiến pháp khẳng định, Nhà nước ta là nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân, vì dân; Nhà nước phải quản lý xã hội bằng pháp luật, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền an ninh nhân dân và nền quốc phòng toàn dân cũng đồng thời là quan điểm cơ bản xuyên suốt của Hiến pháp nước ta, thuộc trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, toàn dân, của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Đảng, Nhà nước, nhân dân, các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương cần có giải pháp tổng thể, quan tâm hơn nữa tới lực lượng vũ trang, xây dựng một lực lượng vũ trang Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở; lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ hùng hậu, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân, làm nòng cốt trong xây dựng, củng cố, tăng cường nền an ninh nhân dân và quốc phòng toàn dân nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới.

Ba là, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới.

Sức mạnh tổng hợp của một đất nước phụ thuộc vào bản chất chế độ chính trị - xã hội, truyền thống dân tộc và hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước. Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa khủng bố và các thế lực phản động quốc tế vẫn đang triển khai hàng loạt hoạt động chống lại nền hòa bình khu vực và thế giới, chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để giữ gìn hòa bình của đất nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới là một nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay.

Cùng với đó, việc phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước còn phải tập trung xây dựng, củng cố sức mạnh nội sinh,  tập trung vào đổi mới, chỉnh đốn Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, chế độ; xây dựng Nhà nước, hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ; "thế trận lòng dân" vững chắc, chống "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ; chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; chống "phi chính trị hóa lực lượng vũ trang", xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh mọi mặt, nâng cao sức mạnh tổng hợp của đất nước nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Bốn là, các cơ quan, tổ chức và mọi công dân phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, nhân dân Việt Nam anh dũng, kiên cường, bất khuất đấu tranh, chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, khẳng định độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền dân tộc tự quyết, lựa chọn con đường phát triển của dân tộc mình. Trong thời đại ngày nay, con đường đó là "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội", "bảo vệ Tổ quốc gắn liền với bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa" và chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thật sự là cơ sở vững chắc bảo đảm cho nhân dân có cuộc sống độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc. Bất kỳ ai, ở cương vị nào, là công dân Việt Nam cần hiểu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là quyền lợi, nghĩa vụ, vinh dự và trách nhiệm của mọi công dân Việt Nam. Mỗi tổ chức, cá nhân ở cương vị nào, trong hay ngoài nước cần có những việc làm thiết thực phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện hoàn cảnh, góp phần vào nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cần tự giác, gương mẫu thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh được quy định trong Hiến pháp, pháp luật; là hành động thiết thực nhất nhằm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nội dung "Bảo vệ Tổ quốc" của Hiến pháp 2013 là sự khẳng định nhất quán, xuyên suốt, thể hiện ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta quyết tâm xây dựng, thi hành, bảo vệ Hiến pháp, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

Câu 3:

Quy định:

**Điều 1. Thanh niên**

Thanh niên quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ mười sáu tuổi đến ba mươi tuổi.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của thanh niên; trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội đối với thanh niên; tổ chức thanh niên.

2. Luật này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân Việt Nam (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, cá nhân).

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có liên quan đến thanh niên Việt Nam cũng áp dụng theo quy định của Luật này; trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thanh niên**

1. Thanh niên có các quyền, nghĩa vụ của công dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật này.

2. Thanh niên không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp đều được tôn trọng và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

**Điều 4. Trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội đối với thanh niên**

1. Thanh niên là tương lai của đất nước, là lực lượng xã hội hùng hậu, có tiềm năng to lớn, xung kích trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đào tạo, bồi dưỡng và phát huy thanh niên là trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội.

2. Nhà nước có chính sáchtạo điều kiện cho thanh niên học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng về đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân, ý chí vươn lên phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

3. Cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân có trách nhiệm góp phần tích cực vào việc chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng và phát huy vai trò của thanh niên.

**Điều 5. Quản lý nhà nước về công tác thanh niên**

1. Nội dung quản lý nhà nước về công tác thanh niên bao gồm:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật,chiến lược, chính sách, chương trình phát triển thanh niên và công tác thanh niên;

b) Đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh niên;

c) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên;

d) Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về công tác thanh niên.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác thanh niên được quy định như sau:

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác thanh niên;

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh niên theo sự phân công của Chính phủ;

c) Uỷ ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh niên ở địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ.

**Điều 6. Uỷ ban quốc gia về thanh niên Việt Nam**

Uỷ ban quốc gia về thanh niên Việt Nam là cơ quan tư vấn của Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh niên. Tổ chức, hoạt động của Uỷ ban quốc gia về thanh niên Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quy định.

**Điều 7. Hợp tác quốc tế về công tác thanh niên**

1. Hợp tác quốc tế về công tácthanh niên với các nước, tổ chức quốc tế trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền, phù hợp với pháp luật mỗi nước và thông lệ quốc tế.

2. Nội dung hợp tác quốc tế về công tác thanh niên bao gồm:

a) Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về công tácthanh niên;

b) Tham gia các tổ chức quốc tế, ký kết, gia nhập và thực hiện các điều ước quốc tế về công tác thanh niên;

c) Giao lưu thanh niên; trao đổi thông tin, kinh nghiệm về công tác thanh niên.

**Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Nghiêm cấm thanh niên thực hiện các hành vi sau đây:

a)Vận chuyển, mua, bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma tuý;

b) Hoạt động mại dâm, đánh bạc, tham gia các tệ nạn xã hội khác;

c) Mua, bán, trao đổi, tàng trữ, sử dụng văn hoá phẩm có nội dung độc hại;

d) Gây rối trật tự công cộng.

2. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc thanh niên thực hiện các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

**TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ NƯỚC, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI  ĐỐI VỚI THANH NIÊN**

**Điều 17. Trong học tập và hoạt động khoa học, công nghệ**

1. Nhà nước có chính sách tạo điều kiện cho thanh niên hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục, được học nghề, có cơ hội vươn lên học tập ở trình độ cao hơn; miễn, giảm học phí, cấp học bổng**,** cho vay tín dụng để thanh niên học tập; cấp sách giáo khoa, hỗ trợ về đời sống cho thanh niên của hộ nghèo hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục; tạo điều kiện cho thanh niên tham gia hoạt động khoa học và công nghệ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, hỗ trợ thực hiện các ý tưởng sáng tạo trong hoạt động khoa học và công nghệ; khuyến khích sự đóng góp của tổ chức, cá nhân giúp đỡ thanh niên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

2. Nhà trường có trách nhiệm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; giáo dục hướng nghiệp, nâng cao năng lực tự học, kỹ năng thực hành, phương pháp tư duy khoa học cho thanh niên.

3. Gia đình có trách nhiệm chăm lo cho thanh niên học tập, hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục, phát triển tài năng; phối hợp với nhà trường giáo dục thái độ học tập đúng đắn, rèn luyện nền nếp học tập và định hướng nghề nghiệp cho thanh niên.

**Điều 18. Trong lao động**

1. Nhà nước có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân giải quyết việc làm cho thanh niên; ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai để phát triển giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu đa dạng về học nghề cho thanh niên; phát triển hệ thống các cơ sở dịch vụ tư vấn giúp thanh niên tiếp cận thị trường lao động; ưu tiên dạy nghề và giải quyết việc làm cho thanh niên nông thôn, thanh niên sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự, thanh niên tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; thanh niên của hộ nghèo được vay vốn từ quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, quỹ xoá đói, giảm nghèo, vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tự tạo việc làm.

2. Nhà nước có cơ chế, chính sách giao cho tổ chức thanh niên huy động thanh niên thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các chương trình, dự án khác để thanh niên có điều kiện phấn đấu, rèn luyện, lập thân, lập nghiệp.

3. Nhà nước có chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai để khuyến khích các doanh nghiệp tạo chỗ ở cho lao động trẻ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân xây nhà cho thuê, bán cho thanh niên theo phương thức trả dần với thời hạn và giá cả hợp lý ở những nơi tập trung đông lao động trẻ.

4. Gia đình có trách nhiệm giáo dục ý thức lao động, tôn trọng sự lựa chọn nghề nghiệp, việc làm của thanh niên; tạo điều kiện cho thanh niên có việc làm.

**Điều 19. Trong bảo vệ Tổ quốc**

1. Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cho thanh niên được giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, truyền thống yêu nước, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

            2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng của mình và gia đình có trách nhiệm động viên, giáo dục và tạo điều kiện cho thanh niên hoàn thành chương trình huấn luyện quân sự phổ thông, làm tròn nghĩa vụ quân sự, quân dự bị động viên và tham gia lực lượng dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.

**Điều 20. Trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật, vui chơi, giải trí**

1. Nhà nước có chính sách phát triển và khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở hoạt động văn hoá, nghệ thuật, vui chơi, giải trí đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần của thanh niên; hỗ trợ thanh niên trong hoạt động sáng tạo văn hoá, nghệ thuật; tạo điều kiện cho thanh niên giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

2. Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xây dựng cơ sở hoạt động văn hoá, nghệ thuật, vui chơi, giải trí cho thanh niên.

Không được sử dụng các cơ sở hoạt động văn hoá, nghệ thuật, vui chơi, giải trí dành cho thanh niên vào mục đích khác làm ảnh hưởng đến lợi ích của thanh niên.

3. Gia đình có trách nhiệm giáo dục nhân cách, xây dựng lối sống văn hoá, hướng dẫn phòng, chống tệ nạn xã hội cho thanh niên.

**Điều 21. Trong bảo vệ sức khoẻ và hoạt động thể dục, thể thao**

1. Nhà nước có chính sách đầu tưvà khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng các cơ sở y tế, cơ sở hoạt động thể dục, thể thao; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ cho thanh niên, tổ chức tư vấn cho thanh niên về dinh dưỡng, sức khoẻ tinh thần, sức khoẻ sinh sản, kỹ năng sống, phòng, chống ma tuý, HIV/AIDS, phòng ngừa các bệnh lây truyền qua đường tình dục và các bệnh xã hội khác.

2. Gia đình có trách nhiệm chăm sóc nâng cao sức khoẻ, phát triển thể chất cho thanh niên, khuyến khích thanh niên luyện tập thể dục, thể thao, thực hiện nếp sống vệ sinh, lành mạnh.

3. Các tổ chức thanh niên có trách nhiệm vận động thanh niên không nghiện rượu, không say rượu, không hút thuốc lá.

**Điều 22. Trong hôn nhân và gia đình**

1. Gia đình có trách nhiệm tôn trọng quyền của thanh niên trong hôn nhân và gia đình; giáo dục tình bạn, tình yêu và các kỹ năng cần thiết để thanh niên tổ chức cuộc sống gia đình.

2. Nhà nước có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển các hoạt động tư vấn về tình yêu, hôn nhân, gia đình, thực hiện kế hoạch hoá gia đình cho thanh niên.

3. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức khác của thanh niên phối hợp với nhà trường, gia đình tuyên truyền, vận động thanh niên thực hiện hôn nhân tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc.

**Điều 23. Trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội**

1. Nhà nước có chính sách quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng thanh niên nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo trẻ; tạo điều kiện cho thanh niên tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

2. Các cơ quan, tổ chức trước khi quyết định những chủ trương, chính sách liên quan đến thanh niên có trách nhiệm lấy ý kiến của thanh niên hoặc tổ chức thanh niên.

3. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức khác của thanh niên có trách nhiệm nghiên cứu nhu cầu, nguyện vọng của thanh niên để kiến nghị với các cơ quan nhà nước giải quyết, tạo điều kiện cho thanh niên phát triển.

**Điều 24. Chính sách của Nhà nước đối với thanh niên dân tộc thiểu số**

1. Nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học; thực hiện chính sách cử tuyển bảo đảm đúng đối tượng và yêu cầu về ngành, nghề cần đào tạo; miễn, giảm học phí, cấp sách giáo khoa và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của pháp luật để tạo điều kiện cho thanh niên dân tộc thiểu số ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có cơ hội học tập, tiếp cận thông tin.

2. Khuyến khích và hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, đấu tranh chống các hủ tục, tập quán lạc hậu.

3. Ưu tiên dạy nghề, giải quyết việc làm và cho vay vốn phát triển sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, phát huy tính năng động của thanh niên dân tộc thiểu số trong lao động sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống.

4. Đào tạo, bồi dưỡng thanh niên ưu tú người dân tộc thiểu số để tạo nguồn cán bộ quản lý, lãnh đạo.

**Điều 25. Chính sách của Nhà nước đối với thanh niên xung phong**

1. Nhà nước có cơ chế, chính sách phát huy vai trò xung kích của lực lượng thanh niên xung phong thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở những vùng, lĩnh vực khó khăn, các nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước; bảo đảm các điều kiện để lực lượng thanh niên xung phong hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

2. Nhà nước thực hiện các chính sách sau đây đối với cán bộ, đội viên thanh niên xung phong:

a) Miễn thực hiện nghĩa vụ lao động công ích; tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình khi đang làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Được công nhận là liệt sĩ, hưởng chính sách như thương binh trong trường hợp đang làm nhiệm vụ mà hy sinh hoặc bị thương theo quy định của pháp luật;

c) Tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao, bảo vệ sức khoẻ; ưu tiên giải quyết việc làm sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 26. Chính sách của Nhà nước đối với thanh niên có tài năng**

1. Nhà nước có cơ chế, chính sách để phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng những thanh niên có năng khiếu, có thành tích xuất sắc trong học tập, hoạt động khoa học và công nghệ, lao động, sản xuất, kinh doanh, quản lý, an ninh, quốc phòng, văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao để trở thành những người tài năng.

2. Tôn vinh và tạo điều kiện cho thanh niên tài năng phát triển và làm việc để phát huy khả năng đóng góp cho đất nước.

**Điều 27. Chính sách của Nhà nước đối với thanh niên khuyết tật, tàn tật, thanh niên nhiễm HIV/AIDS,** **thanh niên sau cai nghiện ma tuý, sau cải tạo**

1. Có chính sách cho thanh niên khuyết tật, thanh niên tàn tật được học văn hoá, học nghề, giải quyết việc làm phù hợp, được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ; được miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục công lập; được miễn, giảm viện phí khi khám, chữa bệnh tại cơ sở y tế của Nhà nước; tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động văn hoá, thể thao.

2. Thanh niên nhiễm HIV/AIDS, thanh niên sau cai nghiện ma tuý, sau cải tạo được tạo điều kiện chữa bệnh, chăm sóc, phục hồi sức khoẻ, học văn hoá, học nghề, giải quyết việc làm, xoá bỏ mặc cảm vươn lên hoà nhập cộng đồng.

Thanh niên nhiễm HIV/AIDS không có nơi nương tựa hoặc gia đình không có điều kiện chăm sóc được tổ chức chăm sóc tại các cơ sở do Nhà nước, tổ chức, cá nhân thành lập theo quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân tham gia chăm sóc, giúp đỡ thanh niên khuyết tật, thanh niên tàn tật, thanh niên nhiễm HIV/AIDS, thanh niên sau cai nghiện ma tuý, sau cải tạo hoà nhập cộng đồng.

Câu 4:

**Điều 332. Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự**

1. Người nào không chấp hành đúng quy định của pháp luật về đăng ký nghĩa vụ quân sự, không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, lệnh gọi tập trung huấn luyện, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Tự gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của mình;

b) Phạm tội trong thời chiến;

c) Lôi kéo người khác phạm tội.

**Điều 333. Tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ**

1. Người nào là quân nhân dự bị mà không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ trong trường hợp có lệnh tổng động viên, lệnh động viên cục bộ, có chiến tranh hoặc có nhu cầu tăng cường cho lực lượng thường trực của quân đội để chiến đấu bảo vệ địa phương, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Tự gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của mình;

b) Lôi kéo người khác phạm tội.

**Điều 335. Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự**

1. Người nào cố ý cản trở việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội trong trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc trong thời chiến, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

Câu 5:

**Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của công dân về quốc phòng**

1. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.

2. Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc; phải thực hiện nghĩa vụ quân sự; có nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân; chấp hành biện pháp của Nhà nước và người có thẩm quyền trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Công dân được tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng; giáo dục quốc phòng và an ninh; trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

4. Công dân phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân hoặc được huy động làm nhiệm vụ quốc phòng thì bản thân và thân nhân được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

5. Công dân bình đẳng trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

**Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực quốc phòng**

1. Chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, Nhân dân, Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Thành lập, tham gia, tài trợ tổ chức vũ trang trái pháp luật.

3. Điều động, sử dụng người, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, trang bị, thiết bị, phương tiện để tiến hành hoạt động vũ trang khi chưa có lệnh hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc không có trong kế hoạch huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu đã được phê duyệt.

4. Chống lại hoặc cản trở cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

5. Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng để xâm phạm lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Phân biệt đối xử về giới trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

**Quy định tại nơi cư trú của quân nhân tại Điều 42 Bộ luật dân sự 2015**

“+ Nơi cư trú của quân nhân đang làm nghĩa vụ quân sự là nơi đơn vị của quân nhân đó đóng quân.

+ Nơi cư trú của sĩ quan quân đội, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng là nơi đơn vị của những người đó đóng quân, trừ trường hợp họ có nơi cư trú theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Bộ luật dân sự 2015″.

chỉ huy đơn vị quân đội được giao quản lý địa phương cấp tỉnh thiết quân luật được quyền trưng mua, trưng dụng tài sản. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản thực hiện theo quy định của [Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản](https://luatvietnam.vn/chinh-sach/luat-15-2008-qh12-quoc-hoi-36130-d1.html).

6. Các biện pháp đặc biệt được áp dụng trong thời gian thi hành lệnh thiết quân luật bao gồm:

a) Cấm hoặc hạn chế người, phương tiện đi lại; đình chỉ hoặc hạn chế hoạt động tại các nơi công cộng;

b) Cấm biểu tình, đình công, bãi thị, bãi khóa, tụ tập đông người;

c) Bắt giữ hoặc cưỡng chế cá nhân, tổ chức có hoạt động xâm hại đến quốc phòng, an ninh phải rời khỏi hoặc cấm đi khỏi nơi cư trú hoặc một khu vực nhất định;

d) Huy động người, phương tiện của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

đ) Quản lý đặc biệt đối với các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ; kiểm soát chặt chẽ cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, phương tiện thông tin, hoạt động báo chí, xuất bản, cơ sở in, sao chụp, việc thu thập, sử dụng thông tin.

7. Mọi hoạt động tại địa phương thiết quân luật phải tuân thủ lệnh thiết quân luật và các biện pháp đặc biệt.

8. Việc xét xử tội phạm xảy ra ở địa phương trong thời gian thi hành lệnh thiết quân luật theo quy định của [Bộ luật Tố tụng hình sự](https://luatvietnam.vn/hanh-chinh/luat-101-2015-qh13-quoc-hoi-101322-d1.html).

9. Khi tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương thiết quân luật đã ổn định thì Chủ tịch nước ra lệnh bãi bỏ lệnh thiết quân luật theo đề nghị của Chính phủ.

10. Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của người chỉ huy đơn vị quân đội, cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan thi hành lệnh thiết quân luật, lệnh bãi bỏ lệnh thiết quân luật.

Câu 6:

**Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Phá hoại đường, cầu, hầm, bến phà đường bộ, đèn tín hiệu, cọc tiêu, biển báo hiệu, gương cầu, dải phân cách, hệ thống thoát nước và các công trình, thiết bị khác thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Đào, khoan, xẻ đường trái phép; đặt, để chướng ngại vật trái phép trên đường; đặt, rải vật nhọn, đổ chất gây trơn trên đường; để trái phép vật liệu, phế thải, thải rác ra đường; mở đường, đấu nối trái phép vào đường chính; lấn, chiếm hoặc sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; tự ý tháo mở nắp cống, tháo dỡ, di chuyển trái phép hoặc làm sai lệch công trình đường bộ.

3. Sử dụng lòng đường, lề đường, hè phố trái phép.

4. Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

5. Thay đổi tổng thành, linh kiện, phụ kiện xe cơ giới để tạm thời đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của xe khi đi kiểm định.

6. Đua xe, cổ vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng.

7. Điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy.

8. Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở.

9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.

Điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ không có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng.

10. Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.

11. Điều khiển xe cơ giới chạy quá tốc độ quy định, giành đường, vượt ẩu.

12. Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ, bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị và khu đông dân cư, trừ các xe được quyền ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định của Luật này.

13. Lắp đặt, sử dụng còi, đèn không đúng thiết kế của nhà sản xuất đối với từng loại xe cơ giới; sử dụng thiết bị âm thanh gây mất trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng.

14. Vận chuyển hàng cấm lưu thông, vận chuyển trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm, động vật hoang dã.

15. Đe dọa, xúc phạm, tranh giành, lôi kéo hành khách; bắt ép hành khách sử dụng dịch vụ ngoài ý muốn; chuyển tải, xuống khách hoặc các hành vi khác nhằm trốn tránh phát hiện xe chở quá tải, quá số người quy định.

16. Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định.

17. Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm.

18. Khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông.

19. Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của người bị nạn và người gây tai nạn.

20. Lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông.

21. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

22. Sản xuất, sử dụng trái phép hoặc mua, bán biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

23. Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

Câu 7:

**Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong phòng, chống tác hại của thuốc lá**

1. Được sống, làm việc trong môi trường không có khói thuốc lá.

2. Yêu cầu người hút thuốc lá không hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc lá.

3. Vận động, tuyên truyền người khác không sử dụng thuốc lá, cai nghiện thuốc lá.

4. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có hành vi hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc lá.

5. Phản ánh hoặc tố cáo cơ quan, người có thẩm quyền không xử lý hành vi hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc lá.

**Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Sản xuất, mua bán, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển thuốc lá giả, sản phẩm được thiết kế có hình thức hoặc kiểu dáng như bao, gói hoặc điếu thuốc lá; mua bán, tàng trữ, vận chuyển nguyên liệu thuốc lá, thuốc lá nhập lậu.

2. Quảng cáo, khuyến mại thuốc lá; tiếp thị thuốc lá trực tiếp tới người tiêu dùng dưới mọi hình thức.

3. Tài trợ của tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc lá, trừ trường hợp quy định tại Điều 16 của Luật này.

4. Người chưa đủ 18 tuổi sử dụng, mua, bán thuốc lá.

5. Sử dụng người chưa đủ 18 tuổi mua, bán thuốc lá.

6. Bán, cung cấp thuốc lá cho người chưa đủ 18 tuổi.

7. Bán thuốc lá bằng máy bán thuốc lá tự động; hút, bán thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm.

8. Sử dụng hình ảnh thuốc lá trên báo chí, xuất bản phẩm dành riêng cho trẻ em.

9. Vận động, ép buộc người khác sử dụng thuốc lá.

Câu 8:

**Điều 1.**

1. Theo mục đích của Công ước này, thuật ngữ "tra tấn" có nghĩa là bất kỳ hành vi nào cố ý gây đau đớn hoặc đau khổ nghiêm trọng về thể xác hay tinh thần cho một người, vì những mục đích như lấy thông tin hoặc lời thú tội từ người đó hay một người thứ ba, hoặc để trừng phạt người đó vì một hành vi mà người đó hay người thứ ba thực hiện hay bị nghi ngờ đã thực hiện, hoặc để đe doạ hay ép buộc người đó hay người thứ ba, hoặc vì bất kỳ một lý do nào khác dựa trên sự phân biệt đối xử dưới mọi hình thức, khi nỗi đau đớn và đau khổ đó do một công chức hay người nào khác hành động với tư cách chính thức gây ra, hay với sự xúi giục, đồng tình hay ưng thuận của một công chức. Khái niệm tra tấn không bao gồm những đau đớn hoặc đau khổ xuất phát từ, gắn liền với hoặc có liên quan đến các biện pháp trừng phạt hợp pháp.

2. Quy định trong điều này không làm phương hại tới bất kỳ văn kiện quốc tế hay pháp luật quốc gia nào có hay có thể có các điều khoản có mức độ áp dụng rộng rãi hơn.

**Điều 2.**

1. Mỗi quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp, hoặc các biện pháp hiệu quả khác để ngăn chặn các hành vi tra tấn trên bất cứ khu vực lãnh thổ nào thuộc quyền tài phán của mình.

2. Không có bất kỳ hoàn cảnh ngoại lệ nào, cho dù là trong tình trạng chiến tranh, hoặc đang bị đe doạ bởi chiến tranh, mất ổn định chính trị trong nước hoặc bất kỳ tình trạng khẩn cấp nào có thể được viện dẫn để biện minh cho việc tra tấn.

3. Mệnh lệnh của quan chức hay của cơ quan có thẩm quyền cấp trên không thể được viện dẫn để biện minh cho việc tra tấn.

**Điều 3.**

1. Không một quốc gia thành viên nào được trục xuất, đẩy trả về hoặc dẫn độ một người cho một quốc gia khác, nơi có nhiều lý do thực tế để tin rằng người đã có nguy cơ bị tra tấn.

2. Để xác định xem có những lý do đó hay không, các nhà chức trách có thẩm quyền phải xem xét mọi yếu tố có liên quan, bao gồm sự tồn tại của một mô hình vi phạm các quyền con người một cách thô bạo, trắng trợn và phổ biến ở quốc gia liên quan, nếu có.

**Điều 4.**

1. Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng mọi hành vi tra tấn đều cấu thành tội phạm theo luật hình sự của nước mình. Điều này cũng áp dụng với những hành vi cố gắng thực hiện việc tra tấn hoặc hành vi của bất kỳ người nào đồng loã hoặc tham gia việc tra tấn.

2. Mỗi quốc gia thành viên phải trừng trị những tội phạm này bằng những hình phạt thích đáng tương ứng với tính chất nghiêm trọng của chúng.

**Điều 5.**

1. Mỗi quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán đối với những hành vi phạm tội nêu ở điều 4, trong các trường hợp sau:

a) Khi hành vi phạm tội được thực hiện trên bất cứ vùng lãnh thổ nào thuộc quyền tài phán của quốc gia hay trên tàu thuỷ hoặc máy bay đăng ký ở quốc gia đó.

b) Khi người bị tình nghi phạm tội là công dân của quốc gia đó.

c) Khi nạn nhân là công dân của quốc gia đó nếu quốc gia đó thấy thích đáng.

2. Mỗi quốc gia thành viên cũng phải tiến hành những biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội này trong trường hợp người bị tình nghi phạm tội đang có mặt ở bất kỳ vùng lãnh thổ nào thuộc quyền tài phán của mình và quốc gia đó không dẫn độ người bị tình nghi theo điều 8 đến bất kỳ quốc gia nào nói ở khoản 1 điều này.

3. Công ước này không loại trừ bất kỳ quyền tài phán hình sự nào được thực thi theo pháp luật quốc gia.

**Điều 6.**

1. Sau khi kiểm tra thông tin có được, nếu thấy rằng hoàn cảnh yêu cầu, bất kỳ quốc gia thành viên nào mà trên lãnh thổ của mình người bị nghi là đã thực hiện hành vi phạm tội nêu tại điều 4 đang có mặt, phải bắt giam người đó hoặc tiến hành những biện pháp pháp lý khác để bảo đảm sự hiện diện của người đó. Việc giam giữ và các biện pháp pháp lý khác phải tuân theo các quy định pháp luật của quốc gia đó nhưng chỉ có thể được duy trì trong một thời gian cần thiết để tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng hay dẫn độ nào.

2. Quốc gia nêu trên phải tiến hành ngay việc điều tra sơ bộ sự việc.

3. Bất kỳ ai bị giam giữ theo khoản 1 điều này phải được giúp đỡ liên hệ ngay với đại diện thích hợp gần nhất của quốc gia mà người đó là công dân, hoặc, nếu người đó là người không quốc tịch, với đại diện của quốc gia nơi người đó thường trú.

4. Khi một quốc gia bắt giữ một người theo quy định tại điều này, quốc gia đó phải thông báo ngay cho quốc gia nói tại khoản 1 điều 5 về việc người đó bị bắt giữ, và hoàn cảnh đòi hỏi phải bắt giữ người đó. Quốc gia tiến hành điều tra sơ bộ nói ở khoản 2 điều này phải nhanh chóng thông báo kết quả điều tra của mình cho các quốc gia nói trên và cho biết có dự định thực thi quyền tài phán hay không.

**Điều 7.**

1. Quốc gia mà trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình phát hiện người được cho là đã thực hiện hành vi phạm tội nêu tại điều 4, sẽ phải chuyển vụ việc lên cơ quan thẩm quyền của quốc gia đó để truy tố, trong các trường hợp nêu tại điều 5, nếu quốc gia đó không dẫn độ người bị tình nghi.

2. Những cơ quan thẩm quyền này phải quyết định tương tự như trường hợp của bất kỳ hành vi phạm tội thông thường nào có tính chất nghiêm trọng theo pháp luật của quốc gia đó. Trong các trường hợp nói ở khoản 2 điều 5, tiêu chuẩn về chứng cứ cần thiết để truy tố và kết tội phải không kém nghiêm ngặt hơn những tiêu chuẩn áp dụng cho các trường hợp nói tại khoản 1 điều 5.

3. Bất kỳ người nào đang là đối tượng của quá trình tố tụng vì bất kỳ hành vi phạm tội nào nói tại điều 4 phải được bảo đảm đối xử công bằng trong mọi giai đoạn tố tụng.

**Điều 8.**

1. Những hành vi phạm tội nói tại điều 4 phải được coi là các tội có thể dẫn độ theo bất kỳ điều ước quốc tế về dẫn độ nào nếu có giữa các quốc gia thành viên. Các quốc gia thành viên cam kết đưa những hành vi phạm tội này vào danh mục các tội có thể dẫn độ trong các điều ước quốc tế về dẫn độ sẽ được ký kết giữa họ với nhau.

2. Nếu một quốc gia thành viên chỉ cho phép dẫn độ khi có điều ước quốc tế về dẫn độ mà nhận được yêu cầu dẫn độ của một quốc gia thành viên khác không có điều ước quốc tế về dẫn độ với mình thì quốc gia đó có thể coi Công ước này là cơ sở pháp lý cho việc dẫn độ đối với những hành vi phạm tội này. Việc dẫn độ sẽ phải tuân thủ những điều kiện khác do pháp luật của quốc gia được yêu cầu dẫn độ quy định.

3. Các quốc gia thành viên không đặt điều kiện dẫn độ bằng việc có điều ước quốc tế về dẫn độ phải công nhận những hành vi phạm tội này là tội có thể dẫn độ giữa họ với nhau, theo những điều kiện do pháp luật của quốc gia được yêu cầu dẫn độ quy định.

4. Những hành vi phạm tội này phải được xử lý, vì mục đích dẫn độ giữa các quốc gia thành viên, như thể chúng được thực hiện không chỉ tại nơi xảy ra tội phạm, mà cả trên lãnh thổ của các quốc gia được yêu cầu xác lập quyền tài phán của mình theo khoản 1 điều 5.

**Điều 9.**

1. Các quốc gia thành viên phải hỗ trợ lẫn nhau một cách tối đa về các thủ tục tố tụng hình sự áp dụng đối với những hành vi phạm tội nói tại điều 4, kể cả việc cung cấp bằng chứng cần thiết mà họ có được cho việc tiến hành tố tụng.

2. Các quốc gia thành viên phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo khoản 1 điều này phù hợp với bất kỳ điều ước quốc tế nào về tương trợ tư pháp có thể có giữa các quốc gia này.

**Điều 10.**

1. Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng giáo dục và tuyên truyền về nghiêm cấm hành động tra tấn được đưa đầy đủ vào chương trình đào tạo các quan chức thực thi pháp luật, các nhân viên dân sự, quân sự, y tế, công chức và những người khác mà có thể liên quan đến việc giam giữ, thẩm vấn hoặc đối xử với bất kỳ cá nhân nào bị bắt, giam giữ hay cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Mỗi quốc gia thành viên phải đưa việc nghiêm cấm này vào các quy tắc hoặc hướng dẫn được ban hành về nhiệm vụ và chức năng của tất cả những đối tượng kể trên.

**Điều 11**.

Mỗi quốc gia thành viên phải rà soát một cách có hệ thống các quy tắc, hướng dẫn, phương pháp và thực tiễn thẩm vấn cũng như các cơ chế giam giữ và đối xử với những người bị bắt, giam giữ, cầm tù dưới mọi hình thức, ở bất kỳ lãnh thổ nào thuộc quyền tài phán của mình, nhằm mục đích ngăn chặn mọi vụ việc tra tấn.

**Điều 12**.

Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng các cơ quan có thẩm quyền của mình sẽ tiến hành điều tra khẩn trương và khách quan mỗi khi có cơ sở hợp lý để tin rằng việc tra tấn đã xảy ra trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình.

**Điều 13**.

Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng bất kỳ cá nhân nào cho rằng họ bị tra tấn trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình đều có quyền khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền của nước đó, và và được những cơ quan này xem xét một cách khẩn trương và khách quan. Quốc gia đó cũng phải thực hiện các biện pháp để bảo đảm rằng người khiếu nại và nhân chứng được bảo vệ tránh sự ngược đãi hay hăm doạ vì như là hậu quả của việc khiếu nại hoặc cung cấp bằng chứng.

**Điều 14**.

Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm trong hệ thống pháp luật của mình rằng các nạn nhân của hành động tra tấn sẽ được cứu chữa và có quyền khả thi được bồi thường công bằng và thoả đáng, kể cả được cung cấp những điều kiện để phục hồi một cách đầy đủ đến mức có thể. Trường hợp nạn nhân chết do bị tra tấn, những người phụ thuộc vào người đó có quyền hưởng sự bồi thường.

2. Không một quy định nào trong điều này ảnh hưởng tới bất kỳ quyền được bồi thường nào của nạn nhân hay của người khác có thể có theo pháp luật quốc gia.

**Điều 15**.

Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng bất kỳ phát ngôn nào được đưa ra như là kết quả của sự tra tấn sẽ không được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tiến trình tố tụng nào, trừ khi để làm bằng chứng chống lại một người bị cáo buộc là đã thực hiện hành động tra tấn để có lời khai đó.

**Điều 16.**

1. Mỗi quốc gia thành viên cam kết ngăn ngừa trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình những hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo và hạ thấp nhân phẩm khác mà không giống với tra tấn như định nghĩa ở điều 1, khi những hành vi này do một công chức hay người nào khác hành động với tư cách chính thức thực hiện, hoặc do xúi giục, đồng tình hay ưng thuận. Cụ thể là những nghĩa vụ quy định tại các điều 10, 11, 12 và 13 sẽ được áp dụng, trong đó các dẫn chiếu về hành động tra tấn sẽ được thay thế bằng các dẫn chiếu về các hình thức đối xử và trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm.

2. Các quy định của Công ước này sẽ không làm phương hại tới các quy định của bất kỳ văn kiện nào khác trong pháp luật quốc tế hay pháp luật quốc gia mà nghiêm cấm các hành động đối xử và trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm, hoặc liên quan đến các vấn đề dẫn độ hay trục xuất.

Trách nhiệm của các quốc gia

1. Thành lập một Uỷ ban chống tra tấn (sau đây gọi tắt là Uỷ ban) có những chức năng được quy định dưới đây. Uỷ ban bao gồm 10 chuyên gia được thừa nhận là có đạo đức cao và có năng lực trong lĩnh vực quyền con người, làm việc với tư cách cá nhân. Các chuyên gia phải được các quốc gia thành viên bầu, có tính tới sự phân bè công bằng về địa lý và lợi ích của sự tham gia của những người có kinh nghiệm pháp luật.

2. Các thành viên Uỷ ban sẽ được bầu bằng bỏ phiếu kín trên cơ sở danh sách đề cử của các quốc gia thành viên. Mỗi quốc gia có thể đề cử một công dân nước mình. Các quốc gia thành viên cần chú ý đến lợi ích của việc đề cử những người cũng là thành viên của Uỷ ban quyền con người được thành lập theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị và những người sẵn sàng làm việc trong Uỷ ban chống tra tấn.

3. Việc bầu các thành viên Uỷ ban sẽ được tiến hành tại cuộc họp toàn thể các nước thành viên tổ chức hai năm một lần do Tổng thư ký Liên Hợp Quốc triệu tập. Tại các cuộc họp này, với điều kiện phải có sự hiện diện của ít nhất 2/3 số quốc gia thành viên, những người được bầu vào Uỷ ban là những ứng cử viên có số phiếu cao nhất và chiếm đa số tuyệt đối phiếu bầu của đại diện các quốc gia có mặt và bỏ phiếu.

4. Lần bầu cử đầu tiên tổ chức không muộn hơn sáu tháng sau ngày Công ước này có hiệu lực. Ít nhất bốn tháng trước ngày bầu cử, Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ gửi thư cho các quốc gia thành viên yêu cầu họ gửi danh sách đề cử trong vòng ba tháng. Tổng thư ký sẽ chuẩn bị một danh sách những người được đề cử xếp theo thứ tự trong bảng chữ cái La tinh, có ghi rõ quốc gia đề cử, và gửi cho các quốc gia thành viên.

5. Các thành viên của Uỷ ban được bầu với nhiệm kỳ bèn năm. Họ có thể được bầu lại nếu được đề cử. Tuy nhiên, nhiệm kỳ của năm thành viên trong cuộc bầu cử đầu tiên sẽ chấm dứt sau hai năm. Ngay sau lần bầu cử đầu tiên, tên của năm thành viên này sẽ do chủ toạ của cuộc họp nói tại khoản 3 điều này chọn bằng rút thăm.

6. Nếu mét thành viên Uỷ ban chết hoặc từ chức hoặc vì bất kỳ lý do nào khác mà không thể thực hiện nhiệm vụ của mình, quốc gia thành viên đã đề cử người đó sẽ bổ nhiệm một chuyên gia khác là công dân nước mình làm việc hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ, với điều kiện được sự chấp thuận của các đa số quốc gia thành viên. Sự chấp thuận được coi là đạt được khi có hơn một nửa số quốc gia trả lời đồng ý trong vòng sáu tuần sau khi được Tổng thư ký Liên Hợp Quốc thông báo về việc bổ nhiệm đó.

7. Các quốc gia thành viên phải chịu chi phí cho các thành viên Uỷ ban khi họ thực hiện nhiệm vụ của Uỷ ban.

Câu 9:

**Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi sau đây:

a) Hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này;

b) Tổ chức, hoạt động, cấu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

d) Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong nhân dân, gây thiệt hại cho các hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng;

e) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

2. Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông; phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác.

4. Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

5. Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.

6. Hành vi khác vi phạm quy định của Luật này.

Câu 10:

**Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ và công cụ hỗ trợ**

1. Cá nhân sở hữu vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, trừ vũ khí thô sơ là hiện vật để trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo.

2. Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sửa chữa, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ hoặc chi tiết, cụm chi tiết để lắp ráp vũ khí, công cụ hỗ trợ.

3. Mang trái phép vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc vào nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ và mục tiêu bảo vệ.

4. Lợi dụng, lạm dụng việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ được giao.

6. Giao vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định.

7. Trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ hoặc chi tiết, cụm chi tiết để lắp ráp vũ khí, công cụ hỗ trợ; trừ trường hợp trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê vũ khí thô sơ để làm hiện vật trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo.

8. Vận chuyển, bảo quản, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ không bảo đảm an toàn hoặc làm ảnh hưởng đến môi trường.

9. Chiếm đoạt, mua bán, trao đổi, tặng, cho, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, làm giả, sửa chữa, tẩy xóa các loại giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ.

10. Chiếm đoạt, mua bán, trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố phế liệu, phế phẩm vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

11. Hướng dẫn, huấn luyện, tổ chức huấn luyện trái phép cách thức chế tạo, sản xuất, sửa chữa hoặc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ dưới mọi hình thức.

12. Che giấu, không tố giác, giúp người khác chế tạo, sản xuất, mang, mua bán, sửa chữa, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép hoặc hủy hoại vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ.

13. Đào bới, tìm kiếm, thu gom trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; phế liệu, phế phẩm vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

14. Cố ý cung cấp thông tin sai lệch về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; không báo cáo, báo cáo không kịp thời, che giấu hoặc làm sai lệch thông tin báo cáo về việc mất, thất thoát, tai nạn, sự cố về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ.

**Điều 7. Điều kiện, trách nhiệm của người được giao sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**

1. Người được giao sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, đủ sức khỏe phù hợp với công việc được giao;

c) Không đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã được xóa án tích trong trường hợp bị kết tội theo bản án, quyết định của Tòa án;

d) Đã qua đào tạo, huấn luyện và được cấp giấy chứng nhận về sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

2. Người được giao sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ có trách nhiệm sau đây:

a) Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định;

b) Khi mang vũ khí, công cụ hỗ trợ phải mang theo giấy chứng nhận, giấy phép sử dụng;

c) Bảo quản vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đúng chế độ, đúng quy trình, bảo đảm an toàn, không để mất, hư hỏng;

d) Bàn giao vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và giấy phép cho người có trách nhiệm quản lý, bảo quản theo đúng quy định sau khi kết thúc nhiệm vụ hoặc hết thời hạn được giao.

3. Chính phủ quy định việc huấn luyện và cấp chứng nhận về sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Câu 11:

Điều kiện

Về phương diện điều kiện phục vụ, sĩ quan gồm có sĩ quan tại ngũ và sĩ quan dự bị.

- Sĩ quan tại ngũ có sĩ quan tại ngũ ở đơn vị và sĩ quan tại ngũ biệt phái.

- Sĩ quan dự bị chia ra hai hạng: sĩ quan dự bị hạng 1 và sĩ quan dự bị hạng 2, theo hạn tuổi phục vụ cao nhất quy định ở điều 39 dưới đây.

Tiêu chuẩn

Những sĩ quan đã đủ niên hạn để xét thăng cấp bậc nhưng chưa đủ tiêu chuẩn để được thăng cấp bậc như đã nói ở điều 10 thì có thể được kéo dài niên hạn từ một năm đến ba năm. Sau thời hạn này nếu vẫn không đủ điều kiện để được thăng cấp bậc thì sĩ quan sẽ chuyển sang ngạch dự bị.

Sĩ quan tại ngũ biệt phái có những nghĩa vụ và quyền lợi như các sĩ quan tại ngũ khác.

Sĩ quan tại ngũ biệt phái có nhiệm vụ tham gia những lớp huấn luyện quân sự theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Lương và phụ cấp sĩ quan tại ngũ biệt phái do cơ quan sử dụng đài thọ căn cứ vào chức vụ giao cho sĩ quan đảm nhiệm, nhưng không được thấp hơn tiêu chuẩn mà sĩ quan đã được hưởng trước kia trong Quân đội.

Câu 12:

**Điều 8. Nguyên tắc tuyển chọn, tuyển dụng quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng**

1. Theo yêu cầu nhiệm vụ và biên chế của Quân đội nhân dân.

2. Bảo đảm dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật và bình đẳng giới.

3. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

4. Đúng vị trí việc làm, chức danh và đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

5. Ưu tiên tuyển chọn, tuyển dụng hạ sĩ quan, binh sĩ có thành tích xuất sắc phục vụ trong Quân đội nhân dân; người có chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ giỏi; người có tài năng; người dân tộc thiểu số.

**Điều 10. Thẩm quyền quyết định đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng**

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định phong quân hàm quân nhân chuyên nghiệp; nâng lương, thăng cấp bậc quân hàm Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp; nâng lương công nhân và viên chức quốc phòng có mức lương tương ứng Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp; kéo dài tuổi phục vụ, cho thôi phục vụ trong quân đội đối với quân nhân chuyên nghiệp có cấp bậc quân hàm Thượng tá, công nhân và viên chức quốc phòng có mức lương tương ứng; biệt phái quân nhân chuyên nghiệp.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định trình tự, thủ tục tuyển chọn, tuyển dụng, xếp loại, nâng loại, chuyển vị trí chức danh quân nhân chuyên nghiệp; xếp loại, nâng loại, nâng bậc và chuyển vị trí việc làm công nhân quốc phòng; xếp hạng, thăng hạng, thay đổi vị trí việc làm của viên chức quốc phòng; thẩm quyền của chỉ huy đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và trình tự, thủ tục nâng lương, thăng cấp bậc quân hàm, cho thôi phục vụ đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cấp có thẩm quyền nâng lương, phong, thăng cấp bậc quân hàm nào thì có thẩm quyền hạ bậc lương, giáng, tước đến cấp bậc quân hàm đó.

**Điều 14. Tuyển chọn, tuyển dụng quân nhân chuyên nghiệp**

1. Đối tượng tuyển chọn:

a) Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam trong trường hợp thay đổi tổ chức, biên chế mà chức vụ đang đảm nhiệm không còn nhu cầu bố trí sĩ quan;

b) Hạ sĩ quan, binh sĩ hết thời hạn phục vụ tại ngũ, đang phục vụ trong ngạch dự bị của quân đội;

c) Công nhân và viên chức quốc phòng.

2. Đối tượng tuyển dụng:

Công dân Việt Nam không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, thường trú trên lãnh thổ Việt Nam, đủ 18 tuổi trở lên.

3. Điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn, tuyển dụng gồm:

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, lý lịch rõ ràng và tự nguyện phục vụ quân đội;

b) Có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ phù hợp với chức danh của quân nhân chuyên nghiệp.

4. Hình thức tuyển chọn, tuyển dụng là xét tuyển hoặc thi tuyển. Trường hợp tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi, xuất sắc hoặc có trình độ kỹ thuật nghiệp vụ bậc cao thì được tuyển chọn, tuyển dụng thông qua xét tuyển.

**Điều 6. Quyền, nghĩa vụ của quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng**

1. Quyền của quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng:

a) Được Nhà nước bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần, chế độ, chính sách ưu đãi phù hợp với tính chất nhiệm vụ của Quân đội nhân dân;

b) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, quân sự, pháp luật và chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ phù hợp với vị trí, chức danh đảm nhiệm;

c) Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng:

a) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật quân đội, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao;

c) Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh cấp trên; khi nhận mệnh lệnh của người chỉ huy, nếu có căn cứ cho là mệnh lệnh đó trái pháp luật, điều lệnh, điều lệ của Quân đội nhân dân thì phải báo cáo ngay với người ra mệnh lệnh; trường hợp vẫn phải chấp hành thì báo cáo kịp thời lên cấp trên trực tiếp của người ra mệnh lệnh và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành mệnh lệnh đó;

d) Bảo vệ tài sản và lợi ích của Nhà nước, quân đội, cơ quan, tổ chức; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân;

đ) Học tập chính trị, quân sự, pháp luật, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ; rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật và thể lực, nâng cao bản lĩnh chính trị, bản lĩnh chiến đấu phù hợp với từng đối tượng;

e) Quân nhân chuyên nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, thực hiện nghĩa vụ quốc tế, chấp hành điều lệnh, điều lệ của Quân đội nhân dân, các nghĩa vụ khác của quân nhân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật;

g) Công nhân quốc phòng phải thực hiện nghĩa vụ của người lao động, chấp hành kỷ luật, nội quy lao động theo quy định của pháp luật; viên chức quốc phòng phải thực hiện nghĩa vụ của viên chức theo quy định của Luật viên chức.

**Điều 17. Thời hạn và hạn tuổi phục vụ tại ngũ của quân nhân chuyên nghiệp**

1. Thời hạn phục vụ tại ngũ của quân nhân chuyên nghiệp trong thời bình như sau:

a) Phục vụ có thời hạn ít nhất là 06 năm kể từ ngày quyết định chuyển thành quân nhân chuyên nghiệp;

b) Phục vụ cho đến hết hạn tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất của quân nhân chuyên nghiệp theo cấp bậc quân hàm:

a) Cấp uý quân nhân chuyên nghiệp: nam 52 tuổi, nữ 52 tuổi;

b) Thiếu tá, Trung tá quân nhân chuyên nghiệp: nam 54 tuổi, nữ 54 tuổi;

c) Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp: nam 56 tuổi, nữ 55 tuổi.

3. Quân nhân chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ cao, có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khoẻ và tự nguyện, nếu quân đội có nhu cầu thì được xem xét kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ không quá 05 năm.

4. Chiến đấu viên thực hiện nhiệm vụ khi đủ 40 tuổi thì được ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng và được bố trí đảm nhiệm chức danh khác phù hợp với yêu cầu của quân đội hoặc được chuyển ngành. Trường hợp quân đội không thể tiếp tục bố trí sử dụng và không thể chuyển ngành được nếu có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có đủ 15 năm là chiến đấu viên thì được nghỉ hưu.

Danh mục chức danh chiến đấu viên do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

**Điều 31. Hạn tuổi phục vụ cao nhất của công nhân và viên chức quốc phòng**

1. Nam đủ 60 tuổi.

2. Nữ đủ 55 tuổi.

Câu 13:

**Điều 3. Nguyên tắc xử lý kỷ luật**

1. Mọi vi phạm kỷ luật phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh; hậu quả do vi phạm kỷ luật gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm kỷ luật được tiến hành nhanh chóng, chính xác, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật.

3. Việc xử phạt vi phạm kỷ luật phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng.

4. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật; không áp dụng các hình thức kỷ luật khác thay cho hình thức kỷ luật được pháp luật quy định.

5. Không áp dụng hình thức kỷ luật tước danh hiệu quân nhân và buộc thôi việc đối với nữ quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng khi mang thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

6. Không áp dụng hình thức kỷ luật giáng cấp bậc quân hàm đối với quân nhân chuyên nghiệp đang giữ cấp bậc quân hàm thiếu úy; không áp dụng hình thức kỷ luật hạ bậc lương đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng đang hưởng lương bậc 1.

7. Khi xử lý kỷ luật, ngoài hình thức kỷ luật đối với từng hành vi vi phạm nếu vi phạm gây thiệt hại về vật chất, người vi phạm còn phải bồi thường. Tài sản, tiền, vật chất do hành vi vi phạm mà có, phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

8. Mỗi hành vi vi phạm pháp luật chỉ xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu cùng một lần vi phạm kỷ luật, người vi phạm có nhiều hành vi vi phạm khác nhau thì phải xem xét, kết luận, làm rõ mức độ vi phạm và hình thức kỷ luật đối với từng hành vi vi phạm, nhưng chỉ áp dụng hình thức kỷ luật chung cho các hành vi vi phạm và không vượt quá hình thức kỷ luật của hành vi có mức xử phạt cao nhất.

9. Người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên (sau đây gọi chung là người chỉ huy) các cấp phải chịu trách nhiệm về tình hình vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật của quân nhân thuộc quyền; tùy tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả gây ra của vụ việc và mức độ liên quan đến trách nhiệm của người chỉ huy trực tiếp và trên một cấp để xác định hình thức kỷ luật theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 40. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật**

1. Người vi phạm phải tự kiểm điểm bằng văn bản trước tập thể cơ quan, đơn vị và tự nhận hình thức kỷ luật.

2. Tập thể cơ quan, đơn vị phân tích, phê bình, tham gia ý kiến vào việc vi phạm và đề xuất hình thức kỷ luật.

3. Người chỉ huy phải kiểm tra, xác minh trực tiếp hoặc ủy quyền cho cấp có thẩm quyền trực tiếp gặp người vi phạm để người vi phạm trình bày ý kiến.

4. Kết luận về hành vi vi phạm kỷ luật.

5. Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua (nếu có).

6. Ra quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật theo quyền hạn phân cấp.

7. Tổ chức công bố quyết định kỷ luật, báo cáo lên trên và lưu trữ hồ sơ ở đơn vị.

**Điều 41. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật trong một số trường hợp đặc biệt**

1. Trường hợp người vi phạm thuộc quyền có hành vi chống mệnh lệnh hoặc có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, thì người chỉ huy phải có biện pháp ngăn chặn kịp thời và báo cáo ngay lên cấp trên có thẩm quyền.

2. Trường hợp người vi phạm không chấp hành kiểm điểm xét kỷ luật thì người chỉ huy căn cứ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, đề nghị của cấp dưới và các tổ chức quần chúng để triệu tập họp chỉ huy, cấp ủy xem xét, quyết định hình thức kỷ luật theo quyền hạn.

3. Trường hợp quân nhân bị kỷ luật tước danh hiệu quân nhân thì chỉ huy đơn vị ra quyết định kỷ luật phải cử người đưa về bàn giao cho cơ quan quân sự huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) nơi quân nhân cư trú, cùng toàn bộ hồ sơ có liên quan (trừ trường hợp đào ngũ không trở lại đơn vị hoặc bị tòa án tuyên án phạt tù và phải chấp hành hình phạt tại trại giam).

4. Trường hợp người vi phạm pháp luật bị khởi tố, truy tố, xét xử thì chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên ra quyết định người vi phạm không được mang mặc trang phục của Quân đội trong thời gian bị cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố, xét xử.

5. Trường hợp người vi phạm đã chết thì chỉ xem xét, kết luận về hành vi vi phạm kỷ luật.

6. Trường hợp quân nhân vi phạm kỷ luật trong thời gian biệt phái thì việc xem xét, xử lý kỷ luật do cơ quan, tổ chức sử dụng quân nhân biệt phái tiến hành. Sau đó gửi toàn bộ hồ sơ và quyết định kỷ luật về cơ quan, đơn vị quản lý quân nhân biệt phái để lưu vào hồ sơ quân nhân.

7. Trường hợp người vi phạm chuyển công tác về cơ quan, đơn vị khác trong Bộ Quốc phòng mới phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật khi công tác ở cơ quan, đơn vị cũ, thì do cơ quan, đơn vị cũ tiến hành xem xét kỷ luật. Sau đó gửi toàn bộ hồ sơ và quyết định kỷ luật về cơ quan, đơn vị đang quản lý người vi phạm để lưu hồ sơ và theo dõi quản lý.

8. Trường hợp người vi phạm thôi phục vụ trong quân đội mới phát hiện có hành vi vi phạm kỷ luật trong thời gian phục vụ trong quân đội, thì do cơ quan, đơn vị quân đội đã quản lý tiến hành xem xét xử lý kỷ luật.

Câu 14:

**QĐND - Bản thân tôi đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục, định hướng giúp đoàn viên, thanh niên (ĐVTN) “nói không” với vi phạm kỷ luật quân đội, pháp luật Nhà nước và mất an toàn giao thông. Những năm gần đây, mặc dù các cấp ủy, chỉ huy các đơn vị đặc biệt quan tâm tới việc giáo dục pháp luật, ý thức chấp hành luật lệ giao thông và xây dựng nếp sống chính quy trong thanh niên. Nhưng đáng tiếc, ở các đơn vị cơ sở vẫn để xảy ra những vụ tai nạn giao thông thương tâm; vẫn có tình trạng vi phạm pháp luật và kỷ luật trong thanh niên, cá biệt có những vụ việc đặc biệt nghiêm trọng.**

Thực tế, nhìn rộng ra, ở không ít đơn vị hiện nay vẫn còn tình trạng cán bộ đoàn, đoàn viên vi phạm pháp luật, kỷ luật phải xử lý như: Một số cán bộ đoàn, đoàn viên còn có biểu hiện quân phiệt, tham gia chơi lô, đề, vay nặng lãi, chi tiêu không đúng mục đích, quá khả năng; mất an toàn giao thông; vắng mặt trái phép, trốn ra ngoài doanh trại uống rượu, bia say, gây gổ với thanh niên địa phương trong thời gian về phép…

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa tinh thần trong ngày nghỉ - một trong những biện pháp giáo dục, động viên, quản lý ĐVTN trong ngày nghỉ ở Quân đoàn 1.

Từ những vấn đề nêu trên, tôi có một số kiến nghị, tham mưu với tổ chức đoàn các cấp trong việc giáo dục ĐVTN với nội dung đã nêu.

Trước tiên, cần tập trung chỉ đạo cấp liên chi đoàn, chi đoàn kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục chung với giáo dục riêng; đội ngũ cán bộ đoàn các cấp phải sâu sát, bám nắm ĐVTN, đặc biệt là nắm chắc tâm tư, tình cảm, điều kiện hoàn cảnh gia đình, những mối quan hệ ngoài xã hội; những vướng mắc, bế tắc trong cuộc sống, để có biện pháp giải quyết kịp thời, không để bị bất ngờ về tư tưởng và nảy sinh tâm lý tiêu cực. Một việc quan trọng là phát huy tốt dân chủ, công khai để ĐVTN có cơ hội bày tỏ quan điểm đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật và an toàn giao thông, với những thói hư tật xấu, những biểu hiện thiếu văn hóa, vi phạm các tệ nạn xã hội... Đồng thời làm tốt công tác quản lý sách báo, băng hình, phim ảnh, mạng internet, không để xảy ra việc sách, báo, băng hình có nội dung xấu xâm nhập vào đơn vị, làm ảnh hưởng không tốt đến nhận thức tư tưởng của cán bộ, ĐVTN. Bên cạnh đó, kết hợp chặt chẽ giữa duy trì nghiêm túc các chế độ, nền nếp trong ngày, trong tuần với tổ chức tốt các hoạt động vui chơi trong 2 ngày nghỉ cuối tuần, phát huy tốt các thiết chế văn hóa ở đơn vị; đẩy mạnh các hoạt động văn nghệ, thể thao, trò chơi quân sự tạo sân chơi lành mạnh cho ĐVTN tham gia…

Câu 15:

**(QBĐT) - Ngày 2-11, UBND tỉnh tổ chức hội nghị hưởng ứng ngày Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam năm 2017 và tổng kết 5 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL). Tham dự có đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, địa phương liên quan. Đồng chí Nguyễn Tiến Hoàng, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh chủ trì hội nghị.**

Tại hội nghị, phát biểu hưởng ứng ngày Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam năm 2017, đồng chí Nguyễn Tiến Hoàng nhấn mạnh: Năm 2012, Quốc hội đã quyết định chọn ngày 9-11 hàng năm là ngày Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam. Ngày Pháp luật được tổ chức nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho mọi người trong xã hội; xây dựng niềm tin, tình cảm, thái độ ứng xử phù hợp với quy định của Hiến pháp, pháp luật…

Để triển khai ngày Pháp luật năm 2017 trên địa bàn tỉnh đạt kết quả cao, đồng chí yêu cầu các ngành, địa phương phải lựa chọn nội dung và hình thức phù hợp để tổ chức các hoạt động thu hút sự quan tâm của cộng đồng xã hội trong xây dựng và thi hành pháp luật; chú trọng đánh giá, xây dựng các nội dung của công tác PBGDPL gắn với hoạt động chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương…

Các đại biểu dự hội nghị cũng đã nghe đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp trình bày báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Luật PBGDPL. Theo đó, trong 5 năm qua, Hội đồng phối hợp PBGDPL đã tổ chức 131.440 hội nghị, lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho khoảng 8,6 triệu lượt người tham gia… Bên cạnh đó, thông qua gần 3.500 cuộc thi và hàng ngàn bản tin, chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng để chuyển tải các nội dung như: các luật mới được Quốc hội thông qua; văn bản liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân... Nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương và từng cơ quan, đơn vị; chú trọng đến từng nhóm đối tượng trong xã hội.

Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác PBGDPL còn gặp một số tồn tại, hạn chế, đó là: việc ban hành các văn bản triển khai và công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số đơn vị, địa phương chưa kịp thời; nhận thức của một bộ phận công chức, viên chức, người lao động và nhân dân còn hạn chế, ý thức pháp luật chưa cao; đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL còn kiêm nhiệm…

Phát biểu tại hội nghị, đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã đánh giá cao những kết quả đạt được trong 5 năm triển khai thi hành Luật PBGDPL trên địa bàn tỉnh, đồng thời nhấn mạnh, trong thời gian tới, các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung, thực hiện một số nhiệm vụ sau: tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật PBGDPL; đổi mới hình thức, kết hợp chặt chẽ giữa PBGDPL với công tác xây dựng và thi hành pháp luật; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác PBGDPL; rà soát, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL; chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực, kỹ năng đội ngũ làm công tác PBGDPL; lựa chọn nội dung tuyên truyền phù hợp sát thực với từng nhóm đối tượng...

Nhân dịp này, 7 tập thể và 2 cá nhân đã được tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh vì có thành tích xuất sắc trong 5 năm triển khai thi hành Luật PBGDPL; 7 tập thể, 10 cá nhân được Giám đốc Sở Tư pháp tặng giấy khen.